

họ bị ảnh hưởng tiêu cực, kém bền vững hơn trong tương lai. Những thách thức này không chỉ tác động đến sinh kế của người dân, mà còn ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội các cộng đồng cư dân trong vùng duyên hải miền Trung. Các sự cố điển hình như: Sự cố môi trường năm 2016 (gọi tắt là sự cố Formosa) xảy ra tác động trực tiếp đến ngư dân ven biển 4 tỉnh miền Trung, trong đó người dân khai thác thủy sản ven biển Thừa Thiên Huế cũng chịu nhiều thiệt hại (Lê Đăng Bảo Châu, 2019); (Nguyễn Ngọc Truyền, 2020); Đại dịch covid-19 đã gây ra nhiều tác động to lớn đến đời sống kinh tế của Việt Nam nói chung và các tỉnh miền Trung nói riêng, đặc biệt như tại Thừa Thiên Huế - năm 2020, thiệt hại về doanh thu du lịch ước khoảng 8.000 tỷ đồng. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động bị thiệt hại như hơn 10.000 lao động bị thất nghiệp, chi phí cho cách ly, phòng chống dịch cực kỳ nặng nề, đối với ngư dân, việc lưu thông khó khăn dẫn đến khó mua bán, đặc biệt gánh nặng con cái quay trở về cũng làm ảnh hưởng nhiều đến sinh kế. Không chỉ các sự cố, biến đổi khí hậu, biến động khí hậu, tần suất bão lũ xuất hiện nhiều trong những năm vừa qua còn gây ra nhiều ảnh hưởng lớn đến cộng đồng ven biển (Nguyễn Ngọc Truyền, 2020)

Tỉnh Thừa Thiên Huế có bờ biển dài 128km và hệ thống đầm phá Tam Giang - Cầu Hai lớn nhất Đông Nam Á với 22.000 ha (Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế, 2014) (bổ sung TLTK ở dưới)- đây cũng là ví dụ điển hình cho sự chuyển đổi sinh kế trong bối cảnh suy thoái môi trường. Tại đây hoạt động nghề cá quy mô nhỏ ven bờ đang bị suy giảm trong một thời gian dài do các áp lực về khai thác, tăng trưởng dân số và đặc biệt là thiếu lựa chọn các sinh kế thay thế, nghề cá đặc biệt là nghề cá quy mô nhỏ đã được nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng “liên kết với vấn đề nghèo đói” (Bene, Al-Hassan, Tuyen, McGregor, & Mills., 2016) do chủ yếu là thiếu sinh kế thay thế.

Nhiều nghiên cứu trong khu vực và tại Việt Nam cho thấy số lượng ngư dân có nguồn thu nhập chính từ nghề cá đang trên xu hướng giảm dần (Betcherman G. &., 2016; Betcherman G. H., 2019; Fabinyi, 2022). Thay vào đó, ngư dân đã bắt đầu đa dạng hóa sinh kế, thậm chí chuyển đổi sang các sinh kế thay thế khác, điển hình là hoạt động du lịch sinh thái (Fabinyi, 2022). Tuy nhiên, sự chuyển dịch sinh kế (livelihood transition) này không phải là một sự thay đổi tuyến tính ngẫu nhiên mà nó phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố tự thân của ngư dân và các tác động của chính sách, điều kiện văn hóa - kinh tế - xã hội - môi trường và các cú sốc hay các đợt khủng hoảng (Nayak, 2017; Betcherman, (bổ sung TLTK ở dưới) Fabinyi M., 2020).

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, các hộ gia đình ven biển đang đa dạng hóa sinh kế của họ, chẳng hạn như phát triển nuôi trồng thủy sản hoặc làm công nhân, nhằm đối phó với các áp lực kinh tế và môi trường (Béné et al., 2016; Hanh & Boonstra, 2018). Đa dạng hóa sinh kế cũng đã được thực hiện như là một phần của chính sách đa dạng hóa thu nhập được triển khai trong chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tuy nhiên, các giải pháp này đôi khi lại góp phần gia tăng khai thác quá mức và suy giảm tài nguyên, điều này lại trở thành nguyên nhân sâu xa gây suy giảm sinh kế lâu dài của người dân (Tong Thi Hai Hanh and Wiebren J. Boonstra, 2018)

Dù các nghiên cứu trước đã tập trung vào một số nhóm hộ gia đình cụ thể, chủ yếu là tại các vùng đầm phá, và chỉ phân tích trong ngắn hạn, nhưng vấn đề “đa dạng trong đa dạng hóa sinh kế” vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Cho đến nay, vẫn chưa có mô hình có khả năng phục hồi toàn diện của cộng đồng có tính hiệu quả tác động đến tất cả các thành phần vật lý và kinh tế xã hội từ tác động tức thời đến giai đoạn phục hồi sau thảm họa (Maria

Kolioua, 2018). Đây là yếu tố quyết định đến việc xác định cách thức và mức độ hiệu quả của việc chuyển đổi sinh kế trong việc nâng cao năng lực chống chịu, không chỉ đối với con người mà còn đối với hệ sinh thái ven biển.

Mục tiêu của nghiên cứu này là: (1) hiểu rõ quá trình và hình thức chuyển đổi sinh kế như một tiến trình điều chỉnh lâu dài; (2) xác định mức độ đóng góp của các hình thức chuyển đổi sinh kế đối với năng lực chống chịu của người dân và hệ tài nguyên ven biển; Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở khoa học và gợi ý chính sách nhằm cải thiện sinh kế, nâng cao năng lực chống chịu của cộng đồng, và quản lý bền vững tài nguyên ven biển.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Chọn điểm và mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện ở vùng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế. Điểm nghiên cứu các xã đại diện cho các cộng đồng ven biển và đầm phá, trong đó sinh kế người dân được ghi nhận là đang thay đổi trước các quá trình chuyển đổi môi trường và kinh tế xã hội. Tổng số xã điểm nghiên cứu là 9 xã, bao gồm 3 xã phía bắc, 3 xã vùng giữa và 3 xã phía nam vùng ven biển của tỉnh:

Các xã phía bắc tỉnh gồm: Hải Dương, Quảng Công và Điền Hải

Các xã vùng giữa tỉnh gồm: Thuận An, Phú Diên và Vinh Thanh

Các xã phía nam tỉnh gồm: Giang Hải, Vinh Hiên và Lăng Cô

Nghiên cứu chọn mẫu hộ để thu thập và phân tích dữ liệu, dung lượng mẫu được xác định theo Slovin (1984):

Công thức chọn mẫu:

$$n = N/(1+Ne^2)$$

Trong đó:

- n là dung lượng mẫu

- N là quần thể

- e là sai số chọn mẫu (5%).

Dữ liệu thống kê và cập nhật từ phỏng vấn người am hiểu xác định số hộ cấp của các xã ven biển trong tỉnh biến động từ 2.500-3.000 hộ/xã, tổng số hộ trong vùng nghiên cứu là 25.000 hộ. Dung lượng mẫu hộ (n) tối thiểu theo Slovin là 400 hộ (44 hộ/xã). Số hộ khảo sát tại mỗi xã được điều chỉnh tăng để tăng độ tin cậy (60 hộ) cho phân tích riêng biệt tại các điểm. Tổng số hộ được lựa chọn và phỏng vấn là 540 hộ (60 hộ x 9 xã).

Các hộ được chọn để khảo sát theo phương pháp ngẫu nhiên phân loại. Phân loại hộ theo chiến lược sinh kế chính (là hoạt động cho thu nhập cao nhất - Primary income) được thực hiện dựa vào dữ liệu thống kê cấp xã và cập nhật cùng với phỏng vấn “người am hiểu” (cán bộ địa phương), chọn hộ ngẫu nhiên trong từng loại để phỏng vấn.

Để thu thập dữ liệu cơ bản cấp cộng đồng và dữ liệu liên quan, nghiên cứu huy động “người am hiểu” tham gia cung cấp thông tin. Người am hiểu là cán bộ địa phương (cấp thôn, xã) và một số hộ có quá trình ứng phó thảm họa và chuyển đổi sinh kế hiệu quả được lựa chọn để tham gia cung cấp và phân tích dữ liệu theo phương pháp PRA (phỏng vấn sâu, đánh giá sinh kế cộng đồng...). Số lượng người am hiểu là 63 (7 người/xã x 9 xã)

2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Phỏng vấn hộ: Thu thập dữ liệu cơ bản và đặc điểm sinh kế hiện tại của hộ bao gồm:

vốn, hoạt động và kết quả sinh kế. Phỏng vấn hộ cũng thu thập thông tin “hồi cố” để làm rõ quá trình chuyển đổi, điều chỉnh sinh kế của hộ bằng cách so sánh hiện tại và 1 số thời điểm quá khứ.

- Phỏng vấn sâu: Thực hiện trao đổi và thảo luận với người trả lời phỏng vấn trong quá trình phỏng vấn hộ để tìm hiểu và thu thập câu chuyện chuyển đổi sinh kế của hộ liên quan đến thách thức, ứng phó, mô tả sự thay đổi, thực hiện chuyển đổi và kết quả chuyển đổi. Phỏng vấn sâu đã thực hiện với người am hiểu.

2.3. Phân tích dữ liệu

Phương pháp định tính và định lượng sẽ được sử dụng để mô tả và phân tích các nội dung và biến nghiên cứu như sau:

- Xác định quá trình và hình thức chuyển đổi sinh kế ở cấp cộng đồng bằng cách phân tích cơ cấu và thay đổi ngành nghề lao động.

- Xác định và đánh giá “hoạt động sinh kế cơ bản” làm cơ sở phân tích chuyển đổi sinh kế của hộ. Nghiên cứu này xác định “hoạt động sinh kế cơ bản” như là chiến lược sinh kế chính, là hoạt động đem lại nguồn thu nhập cao nhất cho hộ tại thời điểm nghiên cứu.

- Xác định các quá trình và hình thức chuyển đổi cụ thể và các điều chỉnh trong quá trình chuyển đổi bằng cách phân tích trao đổi (flows) số hộ giữa các “hoạt động cơ bản” quan sát trong giai đoạn nghiên cứu.

- Đánh giá kết quả của chuyển đổi sinh kế đối với đời sống và năng lực chống chịu của con người bằng cách tổng hợp các chỉ tiêu nghiên cứu kết hợp thống kê mô tả về cơ cấu thu nhập, mức thu nhập và phân bố thu nhập.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng (hỗ trợ hay cản trở) việc thực hiện các hình thức chuyển đổi sinh kế mong muốn thông qua thực hiện các hàm phân tích thống kê phù hợp.

Đề tài sử dụng phần mềm Excel và SPSS cho quản lý và phân tích dữ liệu, thực hiện các phép tổng hợp, phân tích định tính, định lượng. Một số hàm xử lý thống kê phù hợp cũng sẽ được sử dụng như: thống kê mô tả, kiểm định giả thiết thống kê và phân tích hồi quy.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm hộ gia đình và lao động

Kết quả khảo sát cho thấy, trong 9 nhóm hộ chính được phân loại theo nguồn thu nhập cao nhất trong cơ cấu thu nhập của hộ, số lượng và tỷ lệ hộ trong từng nhóm ngành nghề có sự biến động đáng kể, nhất là ở một số nhóm hộ như: hộ nông nghiệp (NO), hộ dịch vụ nông lâm thủy sản (DV), nuôi trồng thủy sản (NT), phi nông nghiệp (PH). Nhóm hộ nông nghiệp có sự biến động giảm về số lượng và tỷ lệ đáng chú ý nhất với tỷ lệ hộ nhóm này trong năm 2014 là 24,34%, giảm xuống còn 17,94% năm 2020 và 16,46% năm 2023. Trong khi đó, các nhóm hộ có nguồn thu nhập chính từ dịch vụ nông lâm thủy sản (DV), phi nông nghiệp (PH), nuôi trồng thủy sản (NT) lại tăng lên đáng kể trong giai đoạn từ 2014- 2023.

Độ tuổi trung bình của chủ hộ ở các cộng đồng ven biển khảo sát khoảng 48,6 tuổi, trong đó độ tuổi cao nhất thuộc nhóm hộ nông nghiệp (khoảng 55,8 tuổi) và thấp nhất thuộc nhóm hộ công nhân, viên chức (khoảng 43,5 tuổi). Tỷ lệ hộ là nữ giới chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ khoảng 5,6%, tỷ lệ chủ hộ nữ cao nhất thuộc nhóm làm công, làm thuê cũng chỉ chiếm 15%. Hầu hết các chủ hộ đều chưa tốt nghiệp cấp 2 (khoảng 7,8 năm đi học phổ thông). Trình độ học vấn cao nhất thuộc nhóm hộ công nhân, viên chức với khoảng 11,5 năm đi học phổ

thông. Trong khi đó, chỉ khoảng 12,6% chủ hộ được đào tạo chuyên nghiệp. Tỷ lệ chủ hộ có học nghề tương đối cao so với mặt bằng chung hiện nay với khoảng 32,6% chủ hộ đã qua các lớp học nghề được cấp chứng chỉ hoặc chỉ học nghề qua các cơ sở đào tạo nghề tư nhân. Tỷ lệ chủ hộ được qua đào tạo nghề cao nhất thuộc nhóm hộ dịch vụ nông lâm thủy sản, với khoảng 70% số hộ trong nhóm này được qua đào tạo nghề. Kết quả này được giải thích bởi theo quy định hiện hành, để kinh doanh được các dịch vụ như thuốc bảo vệ thực vật và thú ý, cơ sở hay kinh doanh phải có chứng chỉ sơ cấp nghề kinh doanh các sản phẩm này. Do đó, các hộ gia đình đều học qua các chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc có bằng trung cấp, cao đẳng có liên quan.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, trung bình nhân khẩu của hộ ven biển tương đối thấp, khoảng 4 người/hộ. Trong đó, nhóm hộ khai thác thủy sản xa bờ có số lượng nhân khẩu cao nhất (trung bình khoảng 4,5 người/hộ) và nhóm hộ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có quy mô nhân khẩu thấp nhất (trung bình chỉ 3,4 người/hộ). Về lao động, trung bình mỗi hộ có khoảng 2,8 lao động, với quy mô lao động/hộ lớn nhất thuộc nhóm hộ nông nghiệp (khoảng 3 lao động/hộ) và thấp nhất thuộc nhóm hộ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (khoảng 2,4 lao động/hộ).

3.2. Các sự cố thảm họa diễn ra trong 10 năm qua tại Thừa Thiên Huế

Có thể nói rằng, các sự cố thảm họa luôn mang lại nỗi lo thường trực cho người dân khu vực ven biển miền Trung, trong đó có cộng đồng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế. Với sự tham vấn của cộng đồng, các loại sự cố thảm họa có tác động lên sinh kế của người dân được thể hiện cụ thể ở bảng bên dưới

Bảng 1: Các sự cố thảm họa ảnh hưởng người dân vùng ven biển Thừa Thiên Huế 2014-2023

Tên sự cố/shock	Năm gần nhất	Số lần/10 năm	Loại sự cố - thảm họa (1)	Số ngày ảnh hưởng	Đánh giá tác động (2)
Cạnh tranh công nghệ	2023	20	2	40	2
Covid-19	2022	2	1	600	5
Formosa-2016	2016	1	1	120	5
Suy giảm tài nguyên thủy sản	2023	20	2	300	3
Tăng giá nhiên liệu/ đầu vào	2022	2	1	30	3
Biến động thị trường TS	2020	2	2	60	3
Thiên tai, bão, lụt	2023	20	2	300	4
Xung đột	2023	10	1	30	2

Ghi chú: Loại shock: 1) Đột ngột, 2) Áp lực từ từ

Đánh giá tác động: Mức 1-5, với mức 1- rất ít nghiêm trọng, mức 5- rất nghiêm trọng

Nguồn: Phòng văn hộ, 2024.

Kết quả nghiên cứu ở bảng 1 cho thấy, từ năm 2014 đến nay các cộng đồng ven biển bị tác động bởi khá nhiều sự cố thảm họa, gây ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh, bao gồm đời sống sinh kế của người dân. Trong đó, năm ảnh hưởng gần nhất là 2023 với số lần ảnh hưởng trong 10 năm qua dao động từ 1-20 lần, tùy thuộc vào tính chất của loại shock (đột ngột hoặc áp lực từ từ).

Có 3 loại sự cố và thảm họa gây ảnh hưởng nhất được đề cập nhiều nhất từ phía các cộng

đồng khảo sát là Covid-19, Formosa và bão lũ. Các phần dưới đây sẽ đề cập chi tiết hơn về các nội dung này.

3.2.1. Bão lũ tại Thừa Thiên Huế

Nghiên cứu của Nguyễn Danh Sơn (2016) về Ứng phó thảm họa tự nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu của Việt Nam đã liệt kê các thảm họa chính mà khu vực miền Trung Việt Nam phải hứng chịu là bão, lũ quét, xâm nhập mặn và hạn hán, trong đó Lũ lụt, bão, nhiễm mặn là 3 trong số các thảm họa tự nhiên có tần suất xuất hiện và rủi ro cao đối với tỉnh Thừa Thiên Huế, đối với việc ngập mặn thì từ sau khi hoàn thành việc xây dựng đập Tháo Long thì đã hạn chế được phần lớn, như thế chỉ còn hai thảm họa bão và lũ lụt là tác nhân chính gây ảnh hưởng đến cộng đồng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế (Nguyễn Danh Sơn, 2016). Cùng quan điểm này, thảo luận nhóm tại 9 cộng đồng được khảo sát cho thấy đối lũ lụt và bão là hai thảm họa tự nhiên có tác động thường xuyên và ảnh hưởng lớn nhất đối với các cộng đồng này. Trong giai đoạn từ 2010-2023, có hơn 16 cơn bão có ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Thừa Thiên Huế, đặc biệt chỉ trong giai đoạn ngắn như từ 2020-2023, đã có gần 7 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến toàn tỉnh, hoàn lưu sau bão kết hợp mưa lớn gây ra tình trạng lũ lụt trên toàn tỉnh, ước tính chỉ trong giai đoạn ngắn 3 năm đã làm 52 người chết, 169 người bị thương, tổng thiệt hại ước tính 4.554 tỷ đồng. Trong các năm trở lại đây, năm 2020 được đánh giá là năm thiên tai diễn ra dị thường, không theo quy luật; bão, lũ xảy ra liên tiếp, với quy mô rộng lớn, cường độ rất mạnh và gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Chỉ riêng trong năm 2020 thiên tai làm 41 người chết, 11 người mất tích, thiệt hại 2.273 tỷ đồng (Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thừa Thiên Huế, 2023; UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 2020).

3.2.2. Đại dịch Covid -19

Đại dịch Covid-19 đã gây ra nhiều tác động to lớn đến đời sống kinh tế của Việt Nam nói chung và các tỉnh miền Trung nói riêng, đặc biệt như tại Thừa Thiên Huế năm 2020, khu vực dịch vụ tăng trưởng âm 0,79%. Lượng khách du lịch đến Huế giảm sâu, ước cả năm 2020 chỉ đạt 1,8-2 triệu lượt, giảm 60%, trong đó khách quốc tế giảm mạnh, 70%. Khách lưu trú ước đạt 1-1,2 triệu lượt khách; giảm 45%. Doanh thu du lịch ước khoảng 3.800 - 4.000 tỷ đồng, bằng 32% kế hoạch và giảm 64%; trong đó doanh thu các cơ sở lưu trú khoảng 800 tỷ đồng, chiếm 20% doanh thu. Thiệt hại về doanh thu du lịch ước khoảng 8.000 tỷ đồng. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động bị thiệt hại như: hơn 10.000 lao động bị thất nghiệp, chi phí cho cách ly, phòng chống dịch cực kỳ nặng nề, đối với ngư dân, việc lưu thông khó khăn dẫn đến khó mua bán, đặc biệt gánh nặng con cái quay trở về cũng làm ảnh hưởng nhiều đến sinh kế. Nghiên cứu của Trần Thị Ánh Nguyệt và cộng sự, 2024 về việc lao động di cư tại các xã ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế quay trở về địa phương cũng cho thấy khi dịch bệnh qua đi để lại nhiều ảnh hưởng tới người lao động di cư. Nghiên cứu tìm hiểu những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến người lao động di cư đã cho thấy có 26,5% người lao động di cư nghỉ việc không lương, 33,9% người lao động di cư phải nghỉ giãn việc và 25,8% người lao động bị giảm giờ làm. Người lao động di cư rơi vào tình trạng lo lắng và căng thẳng khi mức thu nhập của người lao động di cư giảm với tỷ lệ rất cao, đến 33,3% người lao động giảm thu nhập từ 50-75% và 6,4% giảm trên 75% thu nhập (Trần Thị Ánh Nguyệt, 2024).

3.2.3. Sự cố môi trường biển Formosa năm 2016

Thừa Thiên Huế là một trong 4 tỉnh chịu ảnh hưởng của sự cố môi trường biển năm 2016, sự cố môi trường biển này ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái biển, nguồn lợi hải sản, sản xuất, kinh doanh và đời sống của gần 46.500 người, thuộc 13.000 hộ dân ở 230 thôn/xóm, 42 xã/thị trấn của 04 huyện và 01 thị xã tại tỉnh Thừa Thiên Huế (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 2018).

Tác động đến hoạt động khai thác hải sản: Theo thống kê từ địa phương, tổng số tàu thuyền khai thác biển của tỉnh Thừa Thiên Huế bị thiệt hại là 4.160 chiếc, trong đó tàu không lắp máy là 1.676 chiếc, tàu có lắp máy là 2.484 chiếc; tổng số tàu thuyền khai thác đầm phá bị thiệt hại là 8.439 chiếc, trong đó có 5.211 tàu không lắp máy và 3.228 tàu lắp máy. Với tổng số 17.112 lao động khai thác bị ảnh hưởng trực tiếp.

Tác động đến hoạt động nuôi trồng thủy sản: Sự cố môi trường biển năm 2016 đã làm chết 170 ha nuôi tôm chân trắng trên cát, 43 ha nuôi tôm chân trắng trên ao đất, 19 ha nuôi cá lợ mặn và 2.000 ha nuôi tôm sú xen ghép bị ảnh hưởng về giá bán.

Sự cố môi trường năm 2016 có thời gian ảnh hưởng kéo dài, phạm vi ảnh hưởng rộng ở tất cả các xã bãi ngang ven biển. Tác động hầu hết đến các lĩnh vực và các hoạt động tạo thu nhập, kinh doanh, dịch vụ ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế.

Các sự cố tiêu biểu như đã đề cập trên, có số ngày ảnh hưởng lớn và mức độ tác động mạnh như Covid-19 (trung bình khoảng 600 ngày ảnh hưởng, mức độ tác động 5/5 trong thang đo Likert 5 cấp độ), thiên tai bão lũ (300 ngày, mức độ 4/5), Formosa-2016 (120 ngày, mức độ 5/5). Một trong những sự cố khác có thời gian ảnh hưởng dài phải kể đến là sự suy giảm tài nguyên thủy sản với khoảng thời gian ảnh hưởng đến 300 ngày trong năm 2023. Các sự cố chưa được đề cập như ô nhiễm môi trường từ nuôi trồng thủy sản, từ rác thải sinh hoạt, “thẻ vàng” trong ngành thủy sản cũng được ghi nhận, tuy nhiên nó chỉ xảy ra cục bộ ở một số địa phương.

3.3. Tác động của các sự cố khủng hoảng đến sinh kế cộng đồng ven biển

Để tìm hiểu tác động của các sự cố khủng hoảng đến cộng đồng, thang đo Likert 5 cấp độ được sử dụng để đánh giá mức độ tác động, gồm tác động rất mạnh (mức 5), tác động mạnh (mức 4), tác động trung bình (mức 3), tác động ít (mức 2), không tác động (mức 1). Kết quả khảo sát ở cộng đồng cho thấy, sự cố môi trường Formosa-2016 vẫn là sự cố có mức độ tác động lớn nhất đến sinh kế người dân với rất nhiều nhóm hộ có mức độ tác động từ mức 4/5 trở lên như: nhóm công nhân, viên chức (mức độ tác động 4,1/5), làm thuê (4,1/5), khai thác ven bờ (4,1/5), khai thác xa bờ (4,0/5). Đáng chú ý, tăng giá nhiên liệu/đầu vào và biến động thị trường thủy sản đã trở thành 2 sự cố có ảnh hưởng lớn nhất đến nhóm nuôi trồng thủy sản với mức độ ảnh hưởng lần lượt lên đến 4,6/5 và 4,0/5 theo đánh giá của nhóm hộ này. Các sự cố khác có mức độ ảnh hưởng chủ yếu dưới mức 4/5 (mức ảnh hưởng trung bình hoặc trên trung bình).

3.4. Chuyển đổi sinh kế và kết quả chuyển đổi sinh kế của hộ ven biển Thừa Thiên Huế trước tác động của sự cố khủng hoảng

3.4.1. Chuyển đổi sinh kế của hộ

Chuyển đổi sinh kế được xem là giải pháp quan trọng để thích ứng và nâng cao năng lực chống chịu trong các cộng đồng và hộ bị ảnh hưởng bởi các sự cố thảm họa. Khảo sát hộ và kết hợp điều tra kinh tế xã hội tại địa phương thể hiện kết quả về số hộ có chuyển đổi sinh

kế trước tác động của các sự cố thảm họa cũng như sự thay đổi về số hộ theo thu nhập cơ bản (primary income).

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù các sự cố thảm họa có số ngày ảnh hưởng và mức độ tác động khá lớn lên một số nhóm hộ, tuy nhiên số hộ có sự chuyển đổi sinh kế để ứng phó tác động tương đối thấp trong cơ cấu mẫu điều tra. Số hộ có chuyển đổi sinh kế sang ngành nghề khác sau khi sự cố xảy ra chủ yếu tập trung sau Covid-19, Formosa-2016 và thiên tai, bão lụt. Sau các sự cố thiên tai, bão lụt thì có khoảng 40 hộ đã chuyển đổi sinh kế sang ngành nghề khác để ứng phó, trong đó nhiều nhất thuộc nhóm hộ nuôi trồng thủy sản (11 hộ), tiếp theo bởi nhóm hộ khai thác ven bờ (9 hộ), phi nông nghiệp (6 hộ). Sau Covid-19 có khoảng 33 hộ có chuyển đổi sinh kế với số lượng cao nhất thuộc nhóm hộ công nhân, viên chức và phi nông nghiệp (cùng 8 hộ), tiếp theo bởi nhóm hộ làm thuê và khai thác ven bờ (cùng 5 hộ). Trong khi đó, sau sự cố môi trường biển Formosa-2016 khoảng 16 hộ đã có chuyển đổi sinh kế với hộ nuôi trồng thủy sản đã trở thành nhóm hộ có chuyển đổi sinh kế nhiều nhất (6 hộ). Các sự cố còn lại không tạo ra sự chuyển đổi sinh kế sang ngành nghề mới đáng kể ở hầu hết các nhóm hộ (số liệu thống kê dân số lao động, kinh tế xã hội các địa phương từ 2014- 2019 và khảo sát hộ).

Bảng 2: Thay đổi số hộ và tỷ lệ hộ phân theo nhóm sinh kế qua 10 năm (2014-2023)

Nhóm hộ	Số hộ 2014 (hộ)	Số hộ 2019 (hộ)	Số hộ 2023 (hộ)	So sánh 2019-2014 (đơn vị)	So sánh 2023-2019 (đơn vị)	So sánh 2023-2014 (đơn vị)
Công nhân, viên chức	42	41	47	-1.0	6.0	5
Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	64	77	75	13.0	-2.0	11
Dịch vụ nông lâm thủy sản	41	36	37	-5.0	1.0	-4
Nông nghiệp	87	84	76	-3.0	-8.0	-11
Nuôi trồng thủy sản	78	86	91	8.0	5.0	13
Phi nông nghiệp	79	71	72	-8.0	1.0	-7
Làm công, làm thuê	105	98	95	-7.0	-3.0	-10
Khai thác thủy sản ven bờ	44	47	47	3.0	0.0	3
Tổng	540	540	540			

Nguồn: Phòng văn hộ, 2024

Bảng 2 thể hiện sự thay đổi số hộ theo thu nhập cơ bản (thu nhập cao nhất trong các nguồn thu của hộ). Kết quả cho thấy, có sự chuyển dịch đáng kể về nguồn thu nhập cơ bản trong các nhóm hộ được khảo sát. Xu hướng tăng lên về số hộ được thể hiện ở một số nhóm nguồn thu cơ bản như: công nhân, viên chức; công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; phi nông nghiệp, khai thác xa bờ. Trong toàn giai đoạn từ 2014-2023, số hộ có nguồn thu cơ bản từ phi nông nghiệp; công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; công nhân, viên chức; và khai thác xa bờ tăng

lần lượt là 13; 11; 5; và 3 hộ. Trong đó tăng mạnh chủ yếu ở giai đoạn từ 2014-2019.

Ở chiều hướng ngược lại, số hộ có thu nhập cơ bản từ nuôi trồng thủy sản; khai thác thủy sản ven bờ; làm thuê; và nông nghiệp lại giảm đi đáng kể với số lượng hộ giảm lần lượt là 11; 10; 7; và 4 hộ. Đáng chú ý, số lượng hộ có thu nhập cơ bản từ nuôi trồng thủy sản đã giảm mạnh trong giai đoạn từ 2019-2023. Đây là giai đoạn nuôi trồng thủy sản gặp nhiều khó khăn do thiên tai, biến động thị trường và giá cả nguyên, nhiên liệu đầu vào nên nhiều hộ đã giảm đầu tư vào nguồn sinh kế này, dẫn đến nguồn thu nhập giảm so với nguồn thu từ các hoạt động sinh kế khác.

3.4.2. Kết quả chuyển đổi sinh kế và năng lực chống chịu của hộ

Việc chuyển đổi sinh kế của hộ sẽ góp phần tạo ra những thay đổi không chỉ trong phạm vi hộ gia đình mà còn có ảnh hưởng trong phạm vi cộng đồng. Áp dụng thang đo likert để đánh giá một số kết quả chuyển đổi sinh kế lên cả hộ gia đình và cộng đồng ven biển ở Thừa Thiên Huế.

Khảo sát cộng đồng cho thấy, các hộ gia đình ở các nhóm hộ khác nhau có đánh giá khá tích cực đối với những thay đổi do chuyển đổi sinh kế trong cộng đồng tạo ra. Hầu hết các hộ khảo sát đều có mức đánh giá từ mức 3 trở lên (mức trung bình). Trong đó, một số thay đổi được các hộ nghiên cứu đánh giá ở mức cao nhất bao gồm: tăng thu nhập, tạo việc làm cho lao động (3,8/5), cải thiện hiệu quả SXKD/sinh kế của hộ và cộng đồng (3,7/5), cải tiến chi tiêu, nâng cao đời sống (3,7/5), phát triển sinh kế bền vững hơn (3,7/5).

Các nhóm hộ như công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; công nhân, viên chức; và khai thác thủy sản xa bờ là những nhóm hộ có đánh giá lạc quan về thay đổi tích cực do chuyển đổi sinh kế tạo ra với nhiều điểm đánh giá tiệm cận hoặc ở mức 4/5.

Bảng 3: Đánh giá mức độ phục hồi sinh kế của hộ bị ảnh hưởng bởi các sự cố (Thang đo Likert 5 cấp độ) (đơn vị)

Nhóm hộ	Covid-19	Formosa-2016	Suy giảm tài nguyên thủy sản	Tăng giá nhiên liệu/đầu vào	Biến động thị trường TS	Thiên tai, bão, lụt	Xung đột
Công nhân, viên chức	3.0	3.0				3.0	3.0
Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	2.9	2.9	3.0		3.0		2.9
Dịch vụ nông lâm thủy sản	2.9	3.0	2.0			3.0	2.7
Nông nghiệp	2.9	3.0	3.0	2.9	3.0	3.0	3.0
Nuôi trồng thủy sản	2.9	2.9				3.0	3.0
Phi nông nghiệp	2.9	3.0					3.0
Làm công, làm thuê	3.0	3.0		2.2	2.1	2.2	2.7
Khai thác thủy sản ven bờ	2.9	3.0		2.6		3.0	2.8

Nguồn: Phòng văn hộ, 2024

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 3 cho thấy, các hộ khảo sát có đánh giá tương đối thấp về mức độ phục hồi sinh kế của mình sau các sự cố thảm họa gặp phải trong 10 năm trở lại đây. Hầu hết các đánh giá về mức độ phục hồi đều ở từ mức 2 đến mức 3 trong thang đo Likert 5 cấp độ. Kết quả này cho thấy năng lực chống chịu của các nhóm hộ trước các sự cố thảm họa vẫn còn thấp. Việc chuyển đổi sinh kế có thể tạo ra những thay đổi tích cực ở một số khía cạnh nào đó ở cấp độ hộ gia đình và cộng đồng nhưng mức độ phục hồi sinh kế của hộ vẫn còn chậm. Kết quả này được giải thích bởi trong điều kiện đời sống kinh tế còn khó khăn nhưng các hộ gia đình ven biển ở Thừa Thiên Huế phải chống chịu với quá nhiều sự cố thảm họa, bao gồm các sự cố thảm họa mang tính gây sốc đột ngột và các sự cố mang tính áp lực từ từ. Khi sự cố thảm họa này chưa qua thì sự cố thảm họa khác đã tới đã làm cho các cộng đồng ven biển dường như “bất lực” trước các thảm họa.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Nghiên cứu này đã làm rõ tác động của các sự cố môi trường, thiên tai, và biến động kinh tế xã hội đến sinh kế của cộng đồng ven biển tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả cho thấy, các cú sốc từ thiên tai như bão lũ, từ ô nhiễm môi trường như sự cố Formosa, đại dịch Covid-19, và suy giảm tài nguyên thiên nhiên đã làm gia tăng sự phụ thuộc vào tài nguyên biển và gây khó khăn trong việc chuyển đổi sinh kế bền vững. Mặc dù một số cộng đồng đã có sự chuyển đổi tích cực, năng lực phục hồi sinh kế sau các sự cố, khủng hoảng vẫn còn hạn chế, làm nổi bật sự cần thiết của các giải pháp mang tính hệ thống để hỗ trợ cộng đồng trong dài hạn.

Kết quả cũng chỉ ra rằng mặc dù chuyển đổi sinh kế tạo ra những thay đổi tích cực nhất định như cải thiện thu nhập, hiệu quả sản xuất, và phát triển sinh kế bền vững hơn, nhưng năng lực phục hồi sinh kế sau các sự cố thảm họa vẫn còn yếu. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc xây dựng các giải pháp hỗ trợ chuyển đổi sinh kế hiệu quả hơn để giảm thiểu rủi ro và tăng cường năng lực chống chịu cho các hộ dân.

Cần có các chính sách khuyến khích và hỗ trợ người dân chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp như công nghiệp chế biến, du lịch sinh thái, và các dịch vụ giá trị gia tăng gắn với tài nguyên địa phương. Trong bối cảnh sự cần thiết từ đa dạng hóa sinh kế, trong khi lực lượng lao động còn thiếu và yếu, nhu cầu đào tạo và phát triển kỹ năng là cần thiết, cần tăng cường các chương trình đào tạo nghề thực tiễn, tập trung vào các kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường và đặc điểm địa phương. Triển khai các khóa học quản lý tài nguyên và thúc đẩy khởi nghiệp bền vững nhằm nâng cao năng lực cộng đồng trong khai thác và sử dụng tài nguyên.

Các gói hỗ trợ tài chính và công cụ sản xuất cần được ưu tiên cho các vùng thường xuyên đối mặt với các sự cố, đặc biệt xây dựng các gói hỗ trợ vốn vay ưu đãi, đặc biệt cho các hộ nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương, cung cấp công cụ sản xuất và các dịch vụ tài chính vi mô để thúc đẩy chuyển đổi sinh kế hiệu quả.

Để quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, cần thiết lập các cơ chế quản lý và giám sát khai thác tài nguyên, đảm bảo cân bằng giữa khai thác và bảo tồn. Tăng cường hợp tác công - tư trong việc bảo vệ tài nguyên và hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.

Cải thiện cơ chế ứng phó thiên tai bằng cách xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và tăng cường các quỹ hỗ trợ khẩn cấp cho các cộng đồng ven biển. Triển khai các chương trình giảm thiểu rủi ro thiên tai, kết hợp giữa giải pháp công trình và phi công trình, để nâng cao năng lực chống chịu của cộng đồng. Những khuyến nghị này không chỉ giúp cải thiện sinh

kế mà còn thúc đẩy phát triển bền vững cho cộng đồng ven biển trong bối cảnh nhiều thách thức hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thừa Thiên Huế (2023). *Báo cáo công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế các năm từ 2010-2023*.

Baulch, B. a. (2000). Economic mobility and poverty dynamics in developing countries. *The Journal of Development Studies*, no. 36 (6):1-24.

Bene, C., Al-Hassan, R. M., Tuyen, T. V., McGregor, A. J., & Mills., D. J. (2016). Is resilience socially constructed? Empirical evidence from Fiji, Ghana, Sri Lanka, and Vietnam. *The Global Environmental Change, Elsevier Ltd*.

Betcherman, G. &. (2016). Coastal livelihoods in transition: How are Vietnamese households responding to changes in the fisheries and in the economy? *Journal of Rural Studies*. 45, 24-33.

Betcherman, G. &. (2016). Coastal livelihoods in transition: How are Vietnamese households responding to changes in the fisheries and in the economy?. *Journal of Rural Studies*, 24-33.

Betcherman, G. H. (2019). Exploring livelihood transitions in the Mekong delta. . *Singapore Journal of Tropical Geography*. 42(2), 222-240.

Birkmann, J. B. (2010). Extreme events and disasters: a window of opportunity for change? Analysis of organizational, institutional and political changes, formal and informal responses after mega-disasters. *Nat Hazards*. 55, 637-655.

Campbell, D. a. (2009). Negotiating Uncertainty: Jamaican Small Farmers' Adaptation and Coping Strategies, Before and After Hurricanes-A Case Study of Hurricane Dean Sustainability. *Sustainability*. No. 1. 1366-1387.

CINNER, J. E. (2009). Socioeconomic factors that affect artisanal fishers' readiness to exit a declining fishery. *Conservation Biology* . No. 23 (1).124-130.

Cinner, J. E. (2012). Vulnerability of coastal communities to key impacts of climate change on coral reef fisheries. *Global Environmental Change*. No. 22. (1).12-20.

Fabinyi, M. B. (2022). Coastal transitions: Small-scale fisheries, livelihoods, and maritime zone developments in Southeast Asia. *Journal of Rural Studies*, 91.

Huế, S. V. (2014). Thừa Thiên Huế: Tập trung phát triển du lịch vùng biển, đầm phá. <https://svhtt.thuathienhue.gov.vn/>

Keeble, B. R. (1988). The Brundtland report: 'Our common future'. *Medicine and War*. 4(1), 17-25. <https://doi.org/10.1080/07488008808408783>.

Lê Đăng Bảo Châu, L. D. (2019). Di cư lao động - một chiến lược sinh kế của hộ gia đình nông thôn vùng ven biển hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. *Phát triển bền vững vùng*. quyển 9. số 03. 99-109.

Le Thi Hong Phuong, T. Q. (2021). The Resilience of Small-Scale Fishing Households to the Anthropogenic Environmental Shocks. *Environment and Ecology Research*.

M. Salim Uddin et al. (2021). "Disasters threaten livelihoods, and people cope, adapt and make transformational changes": Community resilience and livelihoods reconstruction in coastal communities of Bangladesh. *International Journal of Disaster Risk Reduction*. Volume 63.

Maria Kolioua, J. W. (2018). State of the research in community resilience: progress and

challenges. *Sustainable and resilient infrastructure*.

Marschke, M. J. (2006). Exploring strategies that build livelihood resilience: a case from Cambodia. *Ecology and Society*. no. 11 (1).

Nayak, P. (2017). Fisher communities in transition: understanding change from a livelihood perspective in Chilika Lagoon, India. *Maritime Studies*. 16. 13.

Nguyễn Danh Sơn. (2016). Ứng phó thảm họa tự nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu của Việt Nam. *Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam*. 8-17.

Nguyễn Ngọc Truyền, C. T. (2020). Ảnh hưởng, ứng phó và kết quả phục hồi sinh kế của ngư dân khai thác thủy sản gần bờ tỉnh Thừa Thiên Huế sau sự cố môi trường biển (Formosa) 2016. *Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, 142-150.

Plummer, R. a. (2007). A resilience-based framework for evaluating adaptive co-management: linking ecology, economics and society in a complex world. *Ecological economics*. No. 61 (1), 62-74.

Pomeroy, R. S. (2006). Coping with disaster: rehabilitating coastal livelihoods and communities. *Marine Policy*. No. 30 (6), 786-793.

Pomeroy, R. S. (2006). Coping with disaster: rehabilitating coastal livelihoods and communities. *Marine Policy*. No. 30 (6), 786-793.

Scoones, I. (1998). *Sustainable Rural Livelihoods: A Framework for Analysis*. Institute of Development Studies.

Tong Thi Hai Hanh and Wiebren J. Boonstra. (2018). Can income diversification resolve social-ecological traps in small-scale fisheries and aquaculture in the global south? A case study of response diversity in the Tam Giang lagoon, central Vietnam. *Ecology and Society*.

Trần Thị Ánh Nguyệt, L. T. (2024). Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến việc làm và thu nhập của lao động di cư trở về tại vùng ven biển Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ nông nghiệp (Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế)*, 3465-3474.

Tuyen, T. V. (2016). Response to shocks and implications for resilience and wellbeing: lessons learnt from asset-poor communities in coastal Vietnam. *MARE conference*.

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. (2018). *Báo cáo tổng kết công tác bồi thường, hỗ trợ do sự cố môi trường biển tại Thừa Thiên Huế*.

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. (2020). *Báo cáo tổng hợp đánh giá khí hậu tỉnh Thừa Thiên Huế*.

Whittingham, E. C. (2003). *Poverty and Reefs*. DFID-IMM-IOC/UNESCO. 260.